

Bản án số: 71/2025/HS-PT  
Ngày: 20/02/2025.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
*Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên.

Các Thẩm phán:

- Ông Ngô Đức Thụ
- Bà Phạm Uyên Thy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 501/2024/TLPT-HS ngày 27/12/2024 đối với các bị cáo Lương Nhật Kim K và Phạm Văn L do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 232/2024/HS-ST ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1/ Lương Nhật Kim K, sinh năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 34 Minh P, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 23 Nguyễn Hữu T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; con ông: Lương Đức D (chết) và bà Nguyễn Thiên K1; vợ: Hoàng Thị Kim H, có 01 con sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2/ Phạm Văn L, sinh năm 1986 tại TN; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp Tân Th, xã P, huyện T, tỉnh TN; chỗ ở hiện nay: số 7 đường T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Phạm Văn T (chết) và bà Hồ Ngọc N; vợ: Chu Thị Kh, có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ 00 ngày 29/4/2024, Lương Nhật Kim K và Phạm Văn L, đều là tài xế xe công nghệ nên quen biết nhau, đang ngồi uống nước tại quán cà phê KT, số 4 Đường S, phường T, quận T thì K có khách đặt xe nên đi làm còn L tiếp tục ngồi uống cà phê tại quán.

Đến khoảng 02 giờ 30 cùng ngày, khi đang điều khiển xe ô tô hiệu V, màu trắng, biển số 50H-329.xx trên đường T, hướng từ đường Lê Trọng T ra đường Trường C đến trước quán “Ốc hải sản”, địa chỉ: số 315 T, phường T, quận T. K nhìn thấy 01 xe máy hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số 77C1-444.xx của anh Cao Văn A dừng trước quán nhưng không có người trông coi nên quay đầu xe lại đến trước số 248 T thì đỗ xe ô tô tại đây. K đi bộ qua trước quán “Ốc hải sản” thấy không có ai trông coi xe máy biển số 77C1-444.xx và xe máy không có khóa cổ nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bên trong cốp xe. K lên lút đẩy xe máy này vào trong vỉa hè, quay đầu xe hướng ra đường, đuôi xe hướng vào nhà số 315 T. Lúc này, K dùng tay trái kéo yên xe máy hở lên, rồi dùng tay phải đưa vào bên trong cốp xe tìm tài sản nhưng không lấy được gì nên K dẫn bộ xe máy từ quán “Ốc hải sản” trên đường T, rẽ vào hẻm 242 T được khoảng 200 mét thì rẽ phải ra đường T6 (hướng ra đường CN), đi tiếp khoảng 300 mét đến quán cà phê “KT”. Tại đây, K dựng xe máy biển số 77C1-444.xx phía trước quán thì gặp Phạm Văn L vẫn đang ngồi uống nước, L hỏi Khánh: “Xe của ai vậy?”, K trả lời: “Mới lượm được ngoài đường T tại quán nhậu”. Nghe vậy, L hiểu xe máy biển số 77C1-444.xx là do K trộm cắp mà có. Lúc này, K nhờ L chở K quay lại đầu hẻm 242 T để K lấy xe ô tô biển số 50H-329.xx, điều khiển quay lại quán cà phê, L đồng ý. Sau khi về lại quán cà phê, L hỏi Khánh: “Xe đó bây giờ ông tính sao?”. K trả lời: “Cũng không biết” và L nói tiếp “Thôi chạy ra đó có ai tìm không trả lại xin tiền uống cà phê”. K đồng ý, nên L điều khiển xe máy hiệu Honda Wave RSX, màu đỏ, biển số 70K1-643.xx của L chở K ra đầu hẻm 242 T nhưng không thấy ai đi tìm xe nên L chở K quay lại quán cà phê trên. K nói với L “Mang xe máy gửi bên chung cư” thì L đồng ý và L điều khiển xe máy biển số 70K1-643.xx của L đẩy K ngồi trên xe máy biển số 77C1-444.xx đến gửi tại bãi xe lô G, chung cư T. Đến ngày 29/4/2024, Công an phường T mời cả hai về trụ sở làm rõ hành vi trên.

Tại Cơ quan điều tra, Lương Nhật Kim K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, Phạm Văn L khai: Khi L hỏi Khánh: “Xe của ai vậy?”, K trả lời: “Mới lượm được ngoài đường T tại quán nhậu” thì L hiểu xe máy trên là do K trộm cắp được mà có. Cả hai bị cáo đều thừa nhận mục đích L giúp K đẩy xe

trên đến gửi tại bãi xe lô G, chung cư T là để chờ K tìm chỗ bán xe và khi bán được thì K sẽ chia tiền cho L.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 232/2024/HS-ST ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lương Nhật Kim K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lương Nhật Kim K 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn L 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Ngoài ra, Bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/11/2024, các bị cáo Lương Nhật Kim K và Phạm Văn L kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cung cấp thêm đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương và Đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự của người bị hại đối với các bị cáo.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đưa ra ý kiến phát biểu:*

Sau khi xem xét tất cả lời khai, tình tiết trong hồ sơ vụ án, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên bị cáo Lương Nhật Kim K phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo Phạm Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Về yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, xét thấy các bị cáo đủ điều kiện hưởng án treo, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên là có phần nghiêm khắc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho các bị cáo hưởng án treo.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo hưởng án treo để lo cho gia đình.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân quận T, Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 29/04/2024, tại trước số 315 T, phường T, quận T; Lương Nhật Kim K đã có hành vi trộm cắp xe máy hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số 77C1-444.xx của anh Cao Văn A trị giá 16.500.000 đồng. Phạm Văn L mặc dù biết xe máy biển số 77C1-444.xx do Lương Nhật Kim K trộm cắp được mà có nhưng vẫn giúp K đẩy xe đi cất giấu tại Lô G, chung cư T, phường T, quận T để chờ tìm người mua xe rồi chia nhau tiền tiêu xài.

Hành vi của bị cáo Lương Nhật Kim K đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Phạm Văn L đã phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo Lương Nhật Kim K gây thiệt hại không lớn nên áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo, cung cấp thêm đơn xin xác nhận hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương và Đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự của người bị hại đối với các bị cáo nên áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Tuy nhiên, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra nhận thấy quyết định của cấp sơ thẩm đã tuyên về hình phạt của các bị cáo là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lương Nhật Kim K, Phạm Văn L; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 232/2024/HS-ST ngày 19/11/2024 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lương Nhật Kim K 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn L 09 (Chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và căn cứ Điều 22 và 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- TAND quận T; (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- VKSND quận T ; (1)
- P.PV06 – CA Tp.HCM; (1)
- Chi cục THA quận T ; (1)
- Bị cáo; (1)
- Luật sư; (2)
- Công an quận T ; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (23) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên**